TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ – ST
Ngày 16-8-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ
2. Ông Nguyễn Thành Vui

- T1 ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – T1 ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:**

Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1973 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

* **Bị đơn:**

Ông Đinh Văn T, sinh năm: 1965 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Đinh Văn T có tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 28/02/1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Sông Bé (nay thuộc tỉnh Bình Phước).

Trước khi kết hôn bà B và ông T có tìm hiểu nhau trong thời gian 04 năm.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại số nhà 07, ấp 8, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do T tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B làm đơn xin được ly hôn với ông Đinh Văn T.

+ *Về con chung:* Bà B và ông T có 02 con chung:

1. Đinh Thị Anh T1, sinh ngày 05/01/1997

2. Đinh Quang T2, sinh ngày 02/3/2000

Hiện nay con tên là Đinh Thị Anh T1, sinh ngày 05/01/1997 đã có cuộc sống riêng. Đối với con tên là Đinh Quang T2, sinh ngày 02/3/2000 đang sống cùng bà B tại số nhà 07, ấp 8, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi ly hôn hai con tên là Đinh Thị Anh T1, sinh ngày 05/01/1997 và Đinh Quang T2, sinh ngày 02/3/2000 đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B và ông T không nhận ai làm con nuôi và hiện nay bà B không mang thai.

+ *Về tài sản chung:* Bà B và ông Đinh Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà B và ông Đinh Văn T không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Đinh Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Trong quá trình sống chung, ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông đã xin lỗi và ông T vẫn thương vợ con không muốn vợ chồng ly hôn. Nay bà B xin ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương bà B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Đinh Thị Anh T1, sinh ngày 05/01/1997 và Đinh Quang T2, sinh ngày 02/3/2000 đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị B.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị B được ly hôn với ông Đinh Văn T.

+ Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Vũ Thị B có đơn khởi kiện ly hôn với ông Đinh Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Đinh Văn T cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Do đó hôn nhân giữa bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn T là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà B cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do T tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà B xin được ly hôn với ông T. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng ông vẫn còn thương bà B nên không đồng ý ly hôn với bà B.

Tuy ông T không đồng ý ly hôn với bà B nhưng xét thấy giữa ông T và bà B có mâu thuẫn với nhau và bà B trình bày là mẫu thuẫn đã trầm trọng với ông T. Ông T không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà B được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà B và ông T đều xác định có 02 người con chung tên Đinh Thị Anh T1, sinh ngày 05/01/1997 và Đinh Quang T2, sinh ngày 02/3/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành, ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà B và ông T khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà B và ông T khẳng định không có nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà B phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị B được ly hôn với ông Đinh Văn T.

2/ Về con chung: Con chung đã trưởng thành, ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn T khẳng định không có tài sản chung và không yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn T khẳng định không có nợ chung và không yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị B phải chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0010555 ngày 23/6/2023.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Lộc Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết